TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẾ SƠN** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **29/**2024/HS-ST Ngày: 24-9-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Văn Thêm - Hiệu trưởng Trường THCS Quế Thuận, huyện Quế Sơn.

+ Bà Đỗ Thị Linh Phương - Bí thư Đoàn TNCSHCM huyện Quế Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Liêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2024/HSST-QĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa hình sự sơ thẩm số 29/TB-TA ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đoàn Đại Đ, sinh ngày: 23/12/2001, tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Đại P, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1980; có vợ là Lê Kim N, sinh năm 2002 (đã ly hôn năm 2023) và có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 26/8/2023, chuyển tạm giam ngày 29/8/2023. *Có mặt.*

2. Phan Thành T1, sinh ngày: 24/4/2004, tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn C, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Ái H, sinh năm

1979; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 27/8/2023, chuyển tạm giam ngày 30/8/2023. *Có mặt.*

3. Trần Lê Vũ K (tên gọi khác: B), sinh ngày: 27/3/2006, tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình D, sinh năm 1988 và bà Võ Thị H1, sinh năm 1989; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ ngày 27/8/2023, chuyển tạm giam ngày 30/8/2023, ngày 14/01/2024 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn *"Cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt.*

4. Phạm Nguyễn Quốc B1, sinh ngày: 17/02/2001, tại huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Vinh T2, sinh năm 1976 và bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1980; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 16/01/2024. *Có mặt.*

- *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Lê Vũ K*:* Bà Lê Thị T3 và bà Lê Thị Sao M, là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q. Địa chỉ: số G đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. *Đều có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Viết T4, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Chị Nguyễn Thị Mỹ H2, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

+ Anh Nguyễn Thành S, sinh năm 1996. Địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Trần Văn Ú, sinh năm 1995. Địa chỉ: thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1990. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Chị Nguyễn Thị Hải N1, sinh năm 1991. Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Dương Đình B2, sinh năm 2000. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Trần Q, sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Đoàn Công M1, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Nguyễn Phú Q1, sinh năm 1989. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Phan Văn T6, sinh năm 2001. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Nguyễn Phú C1, sinh năm 1998. Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Trần Đình P1, sinh năm 1967. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Ông Đoàn Đại P, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

+ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Có mặt.*

- *Người làm chứng:*

+ Anh Mai Trần Công H3, sinh năm 1993. Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

+ Anh Phan Văn C2, sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 17 giờ 50 phút ngày 25/8/2023, tổ công tác Công an huyện Q phát hiện anh Nguyễn Văn T5 đang sử dụng trái phép chất ma túy tại khu vực rừng keo lá tràm thuộc thôn T, xã Q, huyện Q. T5 khai nhận vào lúc 17 giờ cùng ngày T5 và Trần Văn Ú góp mỗi người 150.000 đồng mua ma túy của bị cáo Đoàn Đại Đ về chia ma túy ra mỗi người sử dụng riêng.

Đến 19 giờ 30 phút ngày 26/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Đoàn Đại Đ và 21 giờ 30 phút cùng ngày khám xét khẩn cấp nhà Đoàn Đại Đ tại thôn P, xã Q, huyện Q. Lúc này, tại nhà Đ có các bị cáo Trần Lê Vũ K, Phan Thành T1, Phạm Nguyễn Quốc B1 và anh Nguyễn Viết T4. Trong quá trình khám xét khẩn cấp tạm giữ: 01 túi ny lông trong suốt kích thước 05cm x 04cm, miệng túi có viền màu đỏ bên trong có chất tinh thể màu trắng trong túi quần màu xanh da trời tại phòng ngủ được niêm phong mã số PS3 2037809; 01 túi ny lông kích thước 07,4cm x 04,2cm, bên trong có 03 đoạn ống hút dài 2cm, bên trong có chất rắn được niêm phong mã số PS3 2037810 và các đồ vật tài liệu khác.

Ngày 27/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với các bị cáo Phan Thành T1, Trần Lê Vũ K về hành vi *"Mua bán trái phép chất ma túy"*.

Trong quá trình điều tra vụ án xác định: Đầu tháng 8 năm 2023, để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, bị cáo Đ rủ bị cáo T1 và bị cáo K đi mua ma túy về bán cho nhiều người và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

Vào lúc 16 giờ ngày 24/8/2023, bị cáo Đ gọi điện cho bị cáo K đến nhà bị cáo Đ để nhậu cùng với bị cáo T1. Sau khi bị cáo Đ điện thoại, bị cáo K điều khiển xe môtô Sirius biển kiểm soát 92G1-367.89 đến nhà bị cáo Đ cùng nhậu với bị cáo Đ và bị cáo T1. Sau khi nhậu xong, đến 17 giờ cùng ngày bị cáo Đ mượn xe môtô 92G1-367.89 của bị cáo K nói đi có tý việc, bị cáo Đ điều khiển xe đến khu vực Trung tâm hành chính thị trấn V, thị xã Đ, dùng số điện thoại 0935312364 gọi điện cho người đàn ông tên L *(không xác định được nhân thân lai lịch)* mua 01 gói ma túy giá 800.000 đồng mang về nhà, bị cáo Đ chia ma túy ra 02 phần, cất trong túi quần 01 phần để bán, còn lại 01 phần bị cáo Đ cất giấu dưới nệm phòng ngủ của ba mẹ bị cáo để sử dụng. Các bị cáo T1, K ngủ lại nhà bị cáo Đ.

Đến 10 giờ ngày 25/8/2023, Dương Đình B2 cùng với Nguyễn Thị Hải N1 rủ nhau mua ma túy của bị cáo Đ để sử dụng. B2 gọi điện cho bị cáo Đ hỏi mua 500.000 đồng ma túy, bị cáo Đ nói với bị cáo T1 *"đi lên đưa cái này cho anh rồi về ghé hớt tóc luôn"*. Bị cáo Đ mượn xe môtô biển kiểm soát 92G1-367.89 của bị cáo K nói đi có việc, bị cáo K đồng ý. Bị cáo Đ điều khiển xe môtô biển kiểm soát 92G1-367.89 chở bị cáo T1 đi được một đoạn, bị cáo Đ đưa 02 gói ma túy cho bị cáo T1 cầm và nói *"đưa ông ni dùm anh cái rồi lấy 500.000 đồng"*. Bị cáo Đ chở bị cáo T1 đến trước quán C3 tại thị trấn Đ. Lúc này B2 đang ngồi trong taxi đợi, bị cáo T1 đi lại đưa gói ma túy cho B2 và lấy 500.000 đồng. Sau đó bị cáo Đ chở bị cáo T1 đi về lại nhà của mình.

Đến 14 giờ cùng ngày, bị cáo Đ nói bị cáo K cho mượn xe để đi mua túy, bị cáo K đồng ý, bị cáo Đ rủ bị cáo T1 đi mua ma túy, bị cáo T1 điều khiển xe môtô biển kiểm soát 92G1-367.89 chở bị cáo Đ chạy ra khu vực Trung tâm hành chính thị trấn V, thị xã Đ. Bị cáo Đ và bị cáo T1 ghé vào quán nước mía ven đường, bị cáo Đ gọi điện thoại cho L hỏi mua 1.200.000 đồng ma túy, L đồng ý và nói bị cáo Đ chạy ngược lại về hướng huyện D 500m, bị cáo Đ chạy xe đi gặp L mua 1.200.000 đồng ma túy. Sau khi mua được ma túy, bị cáo Đ điều khiển xe đến quán nước mía chở bị cáo T1 về lại nhà mình, bị cáo Đ giấu ma túy vào túi quần rồi đi tắm. Đến 16 giờ cùng ngày, bị cáo Đ rủ các bị cáo T1 và K sử dụng ma túy, bị cáo Đ đi vào phòng lấy 01 gói ma túy để dưới nệm mang ra đổ vào bình nhựa gắn đầu thủy tinh (nỏ) đốt lên hút và bỏ xuống nền nhà, bị cáo T1 cầm lên hút xong bỏ xuống, bị cáo K tự cầm lên hút xong bỏ xuống. Sau khi sử dụng ma túy xong, bị cáo K điều khiển xe môtô 92G1-367.89 về nhà bị cáo K.

Đến 17 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T5 và Trần Văn Ú đang uống cà phê tại thị trấn H, rủ nhau mua ma túy, góp mỗi người 150.000 đồng, T5 sử dụng điện thoại số 0907990316 gọi vào số điện thoại 0935312364 cho bị cáo Đ hỏi mua ma túy, bị cáo Đ đồng ý. T5 chở Ú đến nhà bị cáo Đ, T5 đi vào bên hông nhà gặp bị cáo Đ, còn Ú ở ngoài xe, T5 đưa cho bị cáo Đ 300.000 đồng và lấy 01 gói ma túy về chia ra T5 và Ú sử dụng riêng.

Đến 18 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị Hải N1 gọi điện thoại cho bị cáo Đ hỏi mua ma túy, bị cáo Đ đồng ý. N1 nói Dương Đình B2 chuyển khoản cho bị cáo Đ, B2 sử dụng tài khoản Ngân hàng M3 có số tài khoản 0934765179 chuyển

500.000 đồng vào số tài khoản Ngân hàng V1 có số tài khoản 0935312364 của bị cáo Đ. Sau khi nhận tiền, bị cáo Đ nói N1 tí nữa xuống nhà có bị cáo K ra đưa. Bị cáo Đ gọi điện thoại qua ứng dụng Messeger Facebook nói với bị cáo K: *"02 gói ma túy để chỗ ti vi,* B2 xã Q *xuống đưa cho* B2*"*, nói xong bị cáo Đ đi ra ngoài đường gặp Nguyễn Thị Mỹ H2 là người yêu của bị cáo Đ và điều khiển xe môtô biển kiểm soát 92G1-304.46 chở H2 đi xuống thị trấn H, huyện T chơi. Đến 19 giờ cùng ngày, B2 đi đến nhà bị cáo Đ thì bị cáo K cầm 02 gói ma túy ra đưa cho B2 mang về sử dụng, sau đó bị cáo K điều khiển xe đi về lại nhà mình.

Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Thành S sử dụng số điện thoại 0373789998 gọi điện thoại vào số 0392059029 cho bị cáo Đ hỏi mua 300.000 đồng ma túy, bị cáo Đ đồng ý. Bị cáo Đ điều khiển xe 92G1-304.46 chở H2 từ chợ Đ1 về nhà của mình, bị cáo Đ dựng xe bên ngoài đi vào phòng lấy 01 gói ma túy bỏ vào túi quần chạy xe chở H2 về hướng Đ, gặp S trước cây xăng S2 thuộc xã Q. Bị cáo Đ đưa cho S gói ma túy và lấy 300.000 đồng, rồi chở H2 đi ăn tối, sau đó H2 về nhà của H2, bị cáo Đ về nhà của mình. Lúc này, bị cáo Đ gặp anh Nguyễn Viết T4 là bạn của bị cáo nên bị cáo rủ T4 vào nhà mình chơi.

Lúc 21 giờ cùng ngày, Nguyễn Phú C1 gọi điện thoại cho bị cáo Đ hỏi mua ma túy thì bị cáo Đ đồng ý. C1 sử dụng số tài khoản 4206205073888 Ngân hàng A chuyển 300.000 đồng vào tài khoản V1 số tài khoản 0935312364 của bị cáo Đ, C1 chạy xe một mình đến nhà bị cáo Đ, bị cáo Đ vào phòng ngủ lấy 01 gói ma túy đưa cho bị cáo T1 cầm ra cổng đưa cho C1, C1 mang về sử dụng.

Sau khi bị cáo Tâm giao ma túy xong, bị cáo Đ rủ bị cáo T1 và anh T4 sử dụng ma túy, bị cáo T1 và T4 đồng ý. Bị cáo Đ cầm nỏ, vào phòng ngủ lấy 01 gói ma túy đổ vào đốt lên hút 02 hơi để xuống nền nhà, T4 cầm lên hút 02 hơi để xuống nền, bị cáo T1 cầm lên hút 02 hơi rồi để xuống nền. Sau khi sử dụng ma túy xong, bị cáo Đ, bị cáo T1 và anh T4 ngồi chơi game. Đến 23 giờ cùng ngày, Nguyễn Đình M2 gọi điện cho bị cáo Đ hỏi mua 200.000 đồng ma túy, bị cáo Đ đồng ý. M2 chạy xe đến nhà bị cáo Đ, bị cáo Đ đưa gói ma túy cho bị cáo T1 cầm ra cổng đưa cho M2 và nhận 500.000 đồng đem vào cho bị cáo Đ, bị cáo T1 nói với bị cáo Đ là M2 nói dư tiền để lần sau. Sau đó, các bị cáo Đ, T1 và anh T4 đi ngủ.

Đến 10 giờ ngày 26/8/2023, bị cáo Đ, bị cáo T1 và anh T4 ngủ dậy, khi bị cáo T1 đi rửa mặt từ nhà dưới đi lên thì bị cáo Đ hỏi bị cáo T1 *"Chơi không"*, bị cáo T1 nói *"Có"* rồi bị cáo T1 lấy nỏ thủy tinh đốt ma túy bên trong lên (bộ D1 sử dụng ma túy vẫn để ở nền nhà, bên trong ống thủy tinh vẫn còn ma túy), bị cáo T1 hút xong đến bị cáo Đ hút bỏ xuống nền nhà, anh T4 cầm lên hút xong để xuống lại nền nhà. Lúc này, bị cáo Đ thấy cuộc gọi nhỡ của Nguyễn Đình M2, bị cáo Đ gọi lại cho M2 và M2 nói đang ở nhà, đem ma túy đến cho M2, bị cáo Đ đi nhờ xe đến nhà bị cáo K mượn xe môtô 92G1-367.89 điều khiển về nhà lấy 01 gói ma túy đi đến nhà đưa cho M2 xong bị cáo Đ đi lại về nhà (không lấy tiền).

Đến 14 giờ cùng ngày, bị cáo Phạm Nguyễn Quốc B1 đi đến nhà bị cáo Đ gặp bị cáo T1 hỏi *"anh* Đ *đi đâu"*, bị cáo T1 trả lời *"Đô đi vệ sinh"*, bị cáo Đ đi

ra thì bị cáo B1 đưa cho bị cáo Đ 600.000 đồng tiền anh H4 ở xã Q trả nợ tiền mượn. Lúc này bị cáo Đ rủ bị cáo B1 nhậu, bị cáo B1 và bị cáo Đ mỗi bị cáo đưa 200.000 đồng cho bị cáo T1 đi mua mồi và bia nhậu. Bị cáo T1 chạy xe đi mua mồi, bị cáo B1 nhìn thấy trong nỏ có ma túy, bị cáo B1 hỏi bị cáo Đ *"Đồ ni chơi được không",* bị cáo Đ nói *"được chơi đi bạn"*, bị cáo B1 cầm lên đốt hút một mình. Các bị cáo Đ, T1, B1 và anh T4 ngồi nhậu tại hiên bên hông nhà bị cáo Đ thì bị cáo B1 hỏi chỗ này vừa nhậu vừa chơi được không, bị cáo Đ nói được, bị cáo B1 đưa cho bị cáo Đ 200.000 đồng nói lấy cho anh em chơi, bị cáo Đ cầm 200.000 đồng, đưa gói ma túy cho bị cáo T1, bị cáo T1 đi vào phòng ngủ của bị cáo Đ, đổ ma túy vào nỏ nấu lên để lên bàn nhậu, bị cáo B1 cầm lên hút, tiếp tục đốt lên đưa cho bị cáo Đ hút xong, để xuống, bị cáo T1 và anh T4 tự cầm lên sử dụng và nhậu đến 16 giờ cùng ngày thì xong.

Bị cáo Đ nói bị cáo B1 cho mượn 200.000 đồng đổ xăng đi công việc, bị cáo B1 đưa 400.000 đồng nói phòng có việc thì dùng. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đ điều khiển xe Sirius 92G1-367.89 ra thị xã Đ gặp L mua 1.400.000 đồng ma túy, lúc này bị cáo K đi đến nhà bị cáo Đ chơi. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo Đ mua ma túy về nhà, vào phòng ngủ lấy ống hút nhựa ra cắt nhỏ thành nhiều ống, chia ma túy ra nhiều phần, đổ vào ống nhựa, dùng lửa hàn kín lại. Lúc này, Trần Q và Nguyễn Phú Q1 chung tiền để mua ma túy, Q sử dụng điện thoại số 0766368177 gọi điện thoại cho bị cáo Đ qua số điện thoại 0935312364 hỏi mua 300.000 đồng ma túy, bị cáo Đ đồng ý và điều khiển xe môtô biển số 92G1-367.89 đến ngã ba chợ N2 đưa cho Q và Q1 01 ống nhựa có ma túy bên trong, lấy 300.000 đồng. Q và Q1 mang ma túy về chia ra sử dụng riêng, bị cáo Đ đi xe về lại nhà. Đến 18 giờ cùng ngày, bị cáo Đ hỏi các bị cáo T1, B1, K chơi nữa không thì tất cả đồng ý, bị cáo Đ đổ ma túy vào nỏ thủy tinh cho bị cáo B1 đốt lên, bị cáo B1 hút xong đến các bị cáo T1, K tự cầm lên hút.

Đến 18 giờ 30 phút cùng ngày, Phan Văn T6 điều khiển xe đến nhà của bị cáo Đ để mua ma túy về sử dụng, khi đến nhà, T6 gõ cửa thì bị cáo T1 ra mở cửa, T6 nói *"nói* Đ *để cho anh một cái ba*", bị cáo T1 vào nói với bị cáo Đ và bị cáo Đ cầm ma túy ra đưa cho T6, lấy 300.000 đồng.

Đến 18 giờ 15 phút cùng ngày, Nguyễn Thị Hải N1 gọi điện thoại cho bị cáo Đ qua Messeger Facebook tên ĐôHerly hỏi mua 800.000 đồng ma túy về sử dụng thì bị cáo Đ đồng ý và hẹn giao ma túy tại thị trấn Đ. Bị cáo Đ vào phòng ngủ lấy 04 gói ma túy đưa cho T1 03 gói ma túy cất giữ để bán, bị cáo Đ cầm 01 gói ma túy đi đưa cho N1. Lúc này, B1 và N1 đang ở nhà nghỉ S3, thị trấn Đ, N1 nói B1 đi lấy ma túy, B1 đi đến hẻm đối diện Ngân hàng A chi nhánh Q2, bị cáo Đ đưa 01 gói ma túy cho B1, B1 chuyển số tiền 700.000 đồng vào tài khoản Ngân hàng B4 *(số tài khoản mang tên* Nguyễn Thị Mỹ H2*)* cho bị cáo Đ. Sau đó, bị cáo Đ đi đến cây ATM Ngân hàng A tại thị trấn Đ để rút tiền thì bị Công an huyện Q mời về làm việc, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Đ tự khai báo hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, khoảng đầu tháng 8 năm 2023, bị cáo Đ rủ bị cáo K điều khiển xe môtô 92G1-367.89 đi mua ma túy (không nhớ rõ số tiền mua) của người có tên

L1, khoảng 30 tuổi *(không xác định được nhân thân lai lịch)* tại khu phố chợ N3, huyện D về nhà bị cáo Đ, sau đó có người thanh niên (không xác định được) hỏi mua ma túy và đi đến nhà bị cáo Đ, bị cáo Đ đưa gói ma túy cho bị cáo K bỏ vào bao thuốc lá *"Sài gòn"*, bị cáo K ném bao thuốc lá bên trong có ma túy cho người thanh niên và lấy 300.000 đồng. Cách ngày bị cáo Đ bị bắt một tuần, Nguyễn Đình M2 đến nhà bị cáo Đ hỏi mua 200.000 đồng ma túy, bị cáo Đ đưa gói ma túy cho bị cáo K đi ra cổng giao ma túy cho M2. Vào giữa tháng 8 năm 2023, Đoàn Công M1 dùng điện thoại gọi qua số 0935312364 của bị cáo Đ hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, bị cáo Đ đồng ý và hẹn M1 đến nhà để giao ma túy. Khi M1 đến nhà thì bị cáo Đ đưa cho M1 01 gói ma túy và lấy 300.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 136/KL-KTHS(MT) ngày 05/9/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh Q: các mẫu ký hiệu A1, A2, A3 và A4 là ma túy loại Methamphetamine.

- Mẫu A1 gửi đi giám định có khối lượng là: 1,296 g*;*

- Mẫu A2 gửi đi giám định có khối lượng là: 0,076g*;*

- Mẫu A3 gửi đi giám định có khối lượng là: 0,088g*;*

- Mẫu A4 gửi đi giám định có khối lượng là: 0,085g.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 nó thủy tỉnh, 01 vỏ chai nước, 01 ống hút, 01 bật lửa, 01 vỏ ống hút của (thu giữ của Nguyễn Thành S); 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu xanh, 01 ống hút màu trắng sọc xanh, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá gồm: 01 nó thủy tinh, 01 vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu xanh, 01 ống hút màu trắng sọc xanh, 01 bật lửa màu xanh, 01 thẻ sim điện thoại, 01 miếng băng keo màu đen (thu giữ của Nguyễn Văn T5); 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max, màu đen, số máy MT592LL/A, số seri F2LYNF2YKPHC (thu giữ của bị cáo T1); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xanh, số máy: MWGJ2LL/A, số seri FKICFIM7N70G bên trong có gắn thẻ sim số 0789 494 635 và 01 xe môtô Sirius màu trắng biển số 9261-367.89 (thu giữ của bị cáo K); thu giữ của bị cáo Đ: 01 túi ny lông trong suốt kích thước 7,4cmx4,2cm, miệng túi có viền màu đỏ, bên trong túi ny lông có 01 túi ny lông trong suốt kích thước 5cmx4cm, miệng túi có viền màu đỏ, bên trong túi ny lông có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng; 01 túi ny lông trong suốt kích thước 7,4cmx4,2cm, miệng túi có viền màu đỏ bên trong túi ny lông có 03 đoạn ống hút có quấn băng keo màu đen, đoạn ống hút được hàn kín 2 đầu bên trong có chứa chất rắn; 01 nó thuỷ tinh dài 14,5cm, 01 nắp nhựa màu trắng, trên nắp có 2 lỗ tròn, có một lỗ tròn được gắn ống hút dài 15 cm; 01 cái kéo màu xanh lá dài 15,5 cm; 01 cuộn băng keo tròn màu đen, đường kính 05 cm; 02 ống hút màu trắng có độ dài lần lượt là 21cm, 12,5cm; 01 Nỏ thủy tinh dài 08cm; 01 nỏ thủy tinh dài 07 cm; 01 chai nước Revive đã sử dụng hết; 01 nắp chai nhựa màu trắng, trên nắp có dính băng keo màu đen; 03 ống hút màu trắng có độ dài lần lượt là 20,7cm, 21cm, 18,5cm; 01 ống hút màu trắng dài 8cm, được cắt nhọn một đầu; 02 túi ni lông trong suốt có viền túi màu đỏ, kích thước (7,5x4,5)cm và

(5x4)cm; 01 cái kéo bằng kim loại màu trắng dài 10cm; 02 túi ni lông trong suốt có viền túi màu đỏ, có kích thước lần lượt là (4x4)cm; 01 cái kẹp bằng kim loại màu trắng dài 16cm; 03 bật lửa màu đỏ, màu xanh da trời, màu tím; 01 bình ga dài 18,5cm, màu đỏ, bên trên có dòng chữ BOTANE GAS; 01 bình ga dài 18,5cm, màu đỏ, bên trên có dòng chữ MAX VINA; 01 cái khò bằng kim loại dài 19cm; 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 353535062819840, số IMEI 2: 353535062819857, bên trong điện thoại có gắn 02 thẻ sim số 0935312364 và 0396039684; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số máy MQAIC2LL/A, số Sê ri F2L VWDMYJCLJ, bên trong điện thoại có gắn 01 thẻ sim số 0392059029; số tiền 500.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 9261-304.46; số tiền 700.000 đồng (Nguyễn Thị Mỹ H2 giao nộp lại, đây là số tiền Đ bán ma túy cho B1 và N1); phần khối lượng ma túy còn lại sau giám định của mẫu A1 và toàn bộ các bao gói mẫu vật sau giám định.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSQS ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam đã truy tố các bị cáo: Đoàn Đ, Phan Thành T1 và Trần Lê Vũ K về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Đoàn Đại Đ và Phạm Nguyễn Quốc B1 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phan Thành T1 về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Đoàn Đ, Phan Thành T1 và Trần Lê Vũ K phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*; các bị cáo: Đoàn Đ, Phạm Nguyễn Quốc B1 và Phan Thành T1 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đoàn Đại Đ mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 15 năm đến 16 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (26/8/2023).

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Thành T1 mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*, từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 14 năm đến 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (27/8/2023).

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự, điểm r, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Nguyễn Quốc B1 mức

án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/01/2024).

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Lê Vũ K mức án từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù, bị cáo được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Về tiền thu lợi bất chính: Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện tổng cộng là 4.000.000 đồng của bị cáo Đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Lê Vũ K trình bày luận cứ bào chữa: Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo K về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* theo quy định tại khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự với ba tình tiết định khung tại điểm a (có tổ chức), b (phạm tội 02 lần trở lên), c (đối với 02 người trở lên). Người bào chữa không đồng ý với tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, vì: căn cứ vào tiểu mục 3 Mục I Công văn 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử dẫn tình tiết *"đối với 02 người trở lên"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự được hiểu là trong một lần phạm tội, người phạm tội đã mua bán trái phép chất ma túy đối với từ 02 người trở lên. Nội dung này cũng phù hợp với hướng dẫn tại tiểu mục 2.4 Phần I Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/ 2007 là *"phạm tội đối với nhiều người"* quy định tại khoản 2 các điều 197, 198 và 200 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được hiểu là trong một lần phạm tội, người phạm tội đã thực hiện tội phạm đối với từ hai người trở lên. Căn cứ vào hướng dẫn trên và lời khai của các bị cáo trong hồ sơ vụ án, tại lần phạm tội vào lúc 19 giờ ngày 25/8/2023, bị cáo K chỉ giúp bị cáo Đ bán ma túy cho mình anh B1 và các lần khác là vào đầu tháng 8, bị cáo K giúp Đ đưa gói ma túy cho một người thanh niên không rõ địa chỉ và lấy 300.000 đồng; bán cho anh M1 trú xã Q 01 lần với giá 200.000 đồng. Có nghĩa là hành vi bán ma túy cho các đối tượng của bị cáo K diễn ra nhiều lần, cho nhiều đối tượng nhưng không có lần nào bị cáo K bán ma túy cho 02 người cùng một lúc.

Từ những nhận định trên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 91, khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử bị cáo K mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và tiếp tục áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xem xét cho bị cáo được hưởng án treo nhằm thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội, cho bị cáo có cơ

hội để rèn luyện trở thành một công dân tốt cho xã hội. Không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K. Về hình phạt bổ sung: bị cáo K hiện chưa có tài sản nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo K.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[1.2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa, các bị cáo Đoàn Đại Đ, Phan Thành T1, Trần Lê Vũ K và Phạm Nguyễn Quốc B1 đã khai nhận hành vi phạm tội, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào khoảng đầu tháng 8 năm 2023, để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, bị cáo Đ rủ các bị cáo T1, K sử dụng xe môtô Sirius biển kiểm soát 92G1-367.89 đi mua ma túy của người đàn ông có tên L (không xác định được nhân thân lai lịch) tại thị xã Đ và người đàn ông tên L1 (không xác định được nhân thân lai lịch) tại thị trấn N, huyện D về bán lại nhiều lần cho nhiều người và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

Bán cho Dương Đình B2 và Nguyễn Thị Hải N1 03 lần với số tiền 1.700.000 đồng, Nguyễn Văn T5 và Trần Văn Ú 01 lần số tiền 300.000 đồng, Nguyễn Thành S 01 lần 300.000 đồng, Nguyễn Phú C1 01 lần 300.000 đồng, Nguyễn Đình M2 03 lần với số tiền 700.000 đồng, Phạm Nguyễn Quốc B1 01 lần số tiền 200.000 đồng, Trần Q và Nguyễn Phú Q1 01 lần số tiền 300.000 đồng, bán ma túy cho 01 người thanh niên (không xác định được) số tiền 300.000 đồng, Phan Văn T6 01 lần số tiền 300.000 đồng, Đoàn Công M1 01 lần số tiền 300.000 đồng.

Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy: ngày 24/8/2023 bị cáo Đ mua 800.000 đồng ma túy về cất giấu dưới nệm, sau đó cùng với các bị cáo T1, B1 tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy như sau:

Lần 1: Vào 16 giờ ngày 25/8/2023, bị cáo Đ lấy 01 gói ma túy ra đổ vào nỏ thủy tinh đốt lên, bị cáo Đ hút xong để xuống nền cho bị cáo T1 và bị cáo K sử dụng.

Lần 2: Vào lúc 21 giờ ngày 25/8/2023, bị cáo Đ lấy ống thủy tinh gắn vào bình nhựa, vào phòng ngủ lấy gói ma túy đổ vào đốt lên hút 02 hơi để xuống nền nhà, anh T4 cầm lên hút 02 hơi để xuống nền, bị cáo T1 cầm lên hút 02 hơi rồi bỏ xuống.

Lần 3: Vào lúc 10 giờ ngày 26/8/2023, bị cáo Đ, bị cáo T1 và anh T4 thức dậy, khi bị cáo T1 rửa mặt nhà dưới đi lên thì bị cáo Đ hỏi bị cáo T1 chơi không, bị cáo T1 nói có và lấy nỏ thủy tỉnh đốt ma túy bên trong lên rồi bị cáo T1, bị cáo Đ và anh T4 sử dụng.

Lần: 4: Vào lúc 14 giờ ngày 26/8/2023, bị cáo B1 trong lúc nhậu tại nhà của bị cáo Đ đã đưa cho bị cáo Đ 200.000 đồng nói lấy cho anh em chơi, bị cáo Đ cầm 200.000 đồng, đưa gói ma túy cho bị cáo T1, bị cáo T1 đi vào phòng ngủ của bị cáo Đ, đổ ma túy vào nỏ nấu lên để lên bàn nhậu, bị cáo B1 cầm lên hút, tiếp tục đốt lên đưa cho bị cáo Đ hút xong, để xuống, bị cáo T1 và anh T4 tự cầm lên sử dụng.

Lần: 5: Vào lúc 18 giờ ngày 26/8/2023, bị cáo Đ hỏi bị cáo T1 có chơi nữa không thì bị cáo T1 và bị cáo B1 đồng ý. Bị cáo Đ đổ ma túy vào nỏ thủy tinh, bị cáo B1 dùng lửa đốt lên cùng các bị cáo T1, K tự cầm hút.

Hành vi của bị cáo Đ rủ các bị cáo T1, K đi mua ma túy về bán nhiều lần, cho nhiều người đã có sự phân công, cấu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi phạm tội nên đã cấu thành tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* quy định điểm a, b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo Đ cung cấp chất ma túy cho các bị cáo T1, K (chưa đủ 18 tuổi), B1 và anh T4 sử dụng 05 lần đã cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định điểm a, b c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo T1 đốt ma túy trong nỏ thủy tinh vào lúc 10 giờ ngày 26/8/2023 cho các bị cáo Đ, T1 và anh T4 sử dụng và vào lúc 14 giờ ngày 26/8/2023, khi bị cáo Đ đưa gói ma túy cho bị cáo T1 thì bị cáo T1 đổ vào nỏ đốt lửa lên sử dụng cùng với các bị cáo B1, Đ và anh T4 đã cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của bị cáo B1 vào ngày 26/8/2023 mua 200.000 đồng ma túy của bị cáo Đ để cho bị cáo T1 đổ vào nỏ thủy tinh đốt lên sử dụng cùng với các bị cáo Đ, T1 và anh T4. Đến 18 giờ ngày 26/8/2023, bị cáo Đ đổ ma túy vào nỏ thủy tinh cho B1 dùng lửa đốt lên cho các bị cáo T1 và K (chưa đủ 18 tuổi) sử

dụng. Do đó, hành vi của bị cáo B1 đã cấu thành tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* quy định điểm a, b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Ma túy là chất gây nghiện có hại cho sức khỏe con người, sử dụng ma tuý là một trong những tệ nạn nguy hiểm nhất trong xã hội. Khi sử dụng chất ma túy sẽ làm cho con người có nhận thức lệch lạc, mơ hồ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến thể chất và tinh thần, là tác nhân gây ra các tội phạm và tệ nạn xã hội khác. Các bị cáo nhận thức rõ tác hại, hậu quả của hành vi mua bán, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đ là người rủ rê, xúi dục bị cáo K (tại thời điểm phạm tội bị cáo K dưới 18 tuổi) mua bán trái phép chất ma túy, thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Xúi dục người dưới 18 tuổi phạm tội"* quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo tự nguyện khai báo các lần phạm tội chưa bị phát hiện, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo K có hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo T1 có ông cố nội là Liệt sĩ, có ông, bà nội và bác ruột là thương binh nên các bị cáo K, T1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, nhưng cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để các bị cáo học tập, cải tạo thành người công dân có ích cho xã hội.

Trong vụ án, bị cáo Đ là người chủ mưu, cầm đầu, rủ rê các bị cáo T1, K cùng mua bán trái phép chất ma túy, cung cấp ma túy cho các bị cáo T1, K, B1 và anh T4 sử dụng nên giữ vai trò quan trọng nhất trong vụ án, cần phải xử phạt bị cáo Đ mức án cao hơn các bị cáo khác trong vụ án. Các bị cáo T1, K chịu sự chỉ đạo, phân công nhiệm vụ của bị cáo Đ trong việc mua bán trái phép chất ma túy nên chịu mức án nhẹ hơn so với bị cáo Đ. Đối với hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo Đ, B1 phạm tội với 03 tình tiết định khung tăng nặng nên hành vi phạm tội nguy hiểm hơn bị cáo T1 phạm tội với 02 tình tiết định khung tăng nặng. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo K chưa đủ 18 tuổi (trong độ tuổi từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi), nhận thức chưa đầy đủ về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự

đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo, thể hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước ta đối với người chưa thành niên phạm tội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và tại thời điểm phạm tội bị cáo K là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6]. Về yêu cầu của người bào chữa: Người bào chữa cho bị cáo K cho rằng bị cáo K không giúp bị cáo Đ bán ma túy cho nhiều người nên đề nghị không áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K là không có căn cứ. Bởi lẽ, vào lúc 18 giờ ngày 25/8/2023, Nguyễn Thị Hải N1 và Dương Đình B2 góp tiền mua ma túy sử dụng, N1 chuyển khoản cho bị cáo Đ 500.000 đồng, bị cáo K là người trực tiếp giao ma túy cho B2. Giữa bị cáo Đ và bị cáo K có sự phân công nhiệm vụ, cấu kết chặt chẽ với nhau trong việc mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, bị cáo K là đồng phạm với bị cáo Đ, bán ma túy cho 02 người cùng lúc thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ. Ngoài ra, hành vi mua bán trái phép chất ma túy là rất nguy hiểm cho xã hội, pháp luật hình sự có chế tài rất nghiêm khắc đối với loại tội phạm này. Do đó, yêu cầu áp dụng 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo K của người bào chữa không có cơ sở để chấp nhận.

[7]. Về những nội dung khác có liên quan:

Đối với người đàn ông có tên L, bán ma túy theo lời khai của bị cáo Đ, qua thu giữ thông tin dữ liệu số thuê điện thoại 0935312364 của bị cáo Đ từ Tổng công ty V2 cung cấp đã xác định được số điện thoại 0352854317 và số 0983465713 của L sử dụng liên lạc với bị cáo Đ để bán ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã gửi Công văn số 55/YC-ĐTTH ngày 30/01/2024 yêu cầu Tập đoàn C4 cung cấp các thông tin về số thuê bao trên nhưng cơ quan này không cung cấp nên không có căn cứ điều tra nhân thân lai lịch người đàn ông tên L là phù hợp.

Đối với người đàn ông tên L1 đã bán ma túy cho bị cáo Đ vào đầu tháng 8 năm 2023, không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với ông Trần Đình P1, xe môtô Sirius biển kiểm soát 92G1- 367.89 bị cáo K sử dụng cho bị cáo Đ mượn để mua và bán ma túy, xe này của ông P1 (ông nội của bị cáo K), bị cáo K tự lấy xe sử dụng, ông P1 không biết việc bị cáo K giao xe cho bị cáo Đ sử dụng để mua bán ma túy nên không xem xét xử lý là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Mỹ H2 (bạn gái của bị cáo Đ), chị H2 giao xe mô tô 92G1-304.46 và thẻ ngân hàng của mình cho bị cáo Đ sử dụng, nhưng chị H2 không biết bị cáo Đ sử dụng để đi mua bán ma túy và nhận tiền từ việc bán ma túy nên không có căn cứ xử lý chị H2 là phù hợp.

Đối với bị cáo K và anh Nguyễn Viết T4 là những người cùng sử dụng chung ma túy với các bị cáo Đ, T1 và B2 nhưng chỉ là người hưởng thụ cầm lên hút nên không có vai trò đồng phạm với các bị cáo Đ, T1 và B2 trong việc tổ

chức sử dụng trái phép chất ma túy nên không xử lý là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Dương Đình B2, Nguyễn Thị Hải N1, Nguyễn Văn T5, Trần Văn Ú, Nguyễn Thành S, Nguyễn Phú C1, Nguyễn Đình M2, Trần Q, Nguyễn Phú Q1, Phan Văn T6, Đoàn Công M1 mua ma túy của bị cáo Đ về chia ra sử dụng riêng nên đã vi phạm hành chính. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q có công văn đề nghị xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Nguyễn Đình M2 là người mà các bị cáo Đ, T1 và K khai nhận bán ma túy cho M2 03 lần với số tiền 700.000 đồng, nhưng M2 đã bỏ đi khỏi địa phương không biết ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q không lấy được lời khai theo quy định là có cơ sở.

Đối với ông Đoàn Đại P và bà Phạm Thị T, ông P và bà T đi làm ăn xa nên không biết việc bị cáo Đ tàng trữ trái phép chất ma túy tại nhà để bán cho các đối tượng nghiện và không biết việc các bị cáo tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của mình nên không xử lý là có căn cứ.

Đối với 01 túi ni lông và 03 đoạn ống hút nhựa thu giữ tại nhà của bị cáo Đ ký hiệu mẫu A1, A2, A3 và A4 là loại ma túy Methamphetamine có tổng khối lượng 1,545 gam, bị cáo Đ đưa bị cáo T1 cất giấu nhằm mục đích để bán cho các đối tượng nghiện nên không xem xét về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật.

[8]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 phong bì dán kín, bên ngoài có dấu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh Q, chữ ký và tên của Phạm Như L2, Lê Hoàng V và Mai Thị Lệ H5; bên trong chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định *(theo Kết luận số 136/KL-KTHS(MT) của* Phòng K1 - Công an tỉnh Q*)*. 01 túi niêm phong mã số PS1 2126916, bên trong có: 01 nỏ thủy tinh dài 14,5cm; 01 nắp chai màu trắng, trên nắp có hai lỗ tròn, có một lỗ tròn được gắn ống hút dài 15cm; 01 cái kéo màu xanh lá dài 15,5cm; 01 cuộn băng keo màu đen, đường kính 05cm; 02 ống hút màu trắng có độ dài lần lượt là 21cm, 12,5cm; 02 nỏ thủy tinh có độ dài lần lượt là 08cm và 07cm; 01 chai nước Revive đã sử dụng hết; 01 nắp chai nhựa màu trắng, trên nắp có dính băng keo màu đen; 03 ống hút màu trắng có độ dài lần lượt là 20,7cm, 21cm, 18,5cm; 01 ống hút màu trắng dài 8 cm, được cắt nhọn một đầu; 02 túi ni lông trong suốt có viền túi màu đỏ, kích thước (7,5 x 4,5)cm; 02 túi ni lông trong suốt có viền túi màu đỏ, có kích thước lần lượt là (4 x 4) cm và (5 x 4)cm; 01 kéo bằng kim loại màu trắng dài 10cm; 01 cái kẹp bằng kim loại màu trắng dài 16cm; 03 bật lửa màu đỏ, màu xanh da trời, màu tím; 01 bình ga dài 18,5cm, màu đỏ, trên thân bình ga có chữ BOTANE GAS; 01 bình ga dài 18,5cm, màu đỏ, trên thân bình ga có chữ MAX VINA; 01 khò bằng kim loại dài 19cm. 01 túi niêm phong mã số PS2 2011036, bên trong có: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ chai nước, 01 ống hút); 01 bật lửa; 01 vỏ ống hút; 01 túi niêm phong mã số PS1 2011046, bên trong có: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu xanh da trời, 01

ống hút màu trắng sọc dọc màu xanh lá cây); 01 bật lửa màu xanh lá cây; 01 vỏ ống hút màu trắng; 01 thẻ sim điện thoại; 01 miếng băng keo màu đen. Đây là những vật cấm lưu hành, không còn giá trị sử dụng và là phương tiện để các bị cáo mua bán, sử dụng trái phép chất ma tuý nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với các vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước gồm: Bị cáo Đ 01 điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 353535062819840, số IMEI 2: 353535062819857, bên trong điện thoại có gắn 02 thẻ sim số 0935312364 và 0396039684; 01 điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số máy: MQAIC2LL/A, số sê ri: F2LVWDMYJCLJ, bên trong điện thoại có gắn 01 thẻ sim số 0392059029 và số tiền 700.000 đồng chị H2 giao nộp. Bị cáo K 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xanh, số máy: MWGJ2LL/A, số seri: FK1CFIM7N70G, bên trong có gắn thẻ sim số 0789494635.

Đối với các vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, cần giao trả lại cho các chủ sở hữu gồm: trả cho bị cáo T1 01 điện thoại hiệu Iphone XS Max, màu đen, số máy MT592LL/A, số seri F2LYNF2YKPHC; trả cho ông Trần Đình P1 01 xe môtô Sirius biển kiểm soát 92G1-367.89 và trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ H2 01 xe môtô biển kiểm soát 92G1-304.46.

Đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Đ không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy tổng cộng là 4.000.000 đồng, cần truy thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[9]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Các bị cáo Đoàn Đại Đ, Phan Thành T1, Trần Lê Vũ K phạm tội *"Mua bán trái phép chất ma tuý"*.

Các bị cáo Đoàn Đại Đ, Phạm Nguyễn Quốc B1, Phan Thành T1 phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Đoàn Đại Đ 08 *(Tám)* năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và 07 *(Bảy)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 15 *(Mười lăm)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (26/8/2023).

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm a, b khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phan Thành T1 07 *(Bảy)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* và 07 *(Bảy)* năm tù về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"*. Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 *(Mười bốn)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (27/8/2023).

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 255, điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Nguyễn Quốc B1 07 *(Bảy)* năm 03 *(Ba)* tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (16/01/2024).

Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 251, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 91, Điều 98 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Lê Vũ K 04 *(Bốn)* năm 06 *(Sáu)* tháng tù, bị cáo được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 27/8/2023 đến ngày 14/01/2024), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử:

- Tịch thu tiêu huỷ:

+ 01 (một) phong bì dán kín, bên ngoài có dấu đỏ của Phòng K1 Công an tỉnh Q, chữ ký và tên của Phạm Như L2, Lê Hoàng V và Mai Thị Lệ H5; bên trong chứa mẫu vật hoàn trả sau giám định *(theo Kết luận số 136/KL-KTHS(MT) của* Phòng K1 - Công an tỉnh Q*)*.

+ 01 (một) túi niêm phong mã số PS1 2126916, bên trong có: 01 nỏ thủy tinh dài 14,5cm; 01 nắp chai màu trắng, trên nắp có hai lỗ tròn, có một lỗ tròn được gắn ống hút dài 15cm; 01 cái kéo màu xanh lá dài 15,5cm; 01 cuộn băng keo màu đen, đường kính 05cm; 02 ống hút màu trắng có độ dài lần lượt là 21cm, 12,5cm; 02 nỏ thủy tinh có độ dài lần lượt là 08cm và 07cm; 01 chai nước Revive đã sử dụng hết; 01 nắp chai nhựa màu trắng, trên nắp có dính băng keo màu đen; 03 ống hút màu trắng có độ dài lần lượt là 20,7cm, 21cm, 18,5cm; 01 ống hút màu trắng dài 8 cm, được cắt nhọn một đầu; 02 túi ni lông trong suốt có viền túi màu đỏ, kích thước (7,5 x 4,5)cm; 02 túi ni lông trong suốt có viền túi màu đỏ, có kích thước lần lượt là (4 x 4) cm và (5 x 4)cm; 01 kéo bằng kim loại màu trắng dài 10cm; 01 cái kẹp bằng kim loại màu trắng dài 16cm; 03 bật lửa màu đỏ, màu xanh da trời, màu tím; 01 bình ga dài 18,5cm, màu đỏ, trên thân bình ga có chữ BOTANE GAS; 01 bình ga dài 18,5cm, màu đỏ, trên thân bình ga có chữ MAX VINA; 01 khò bằng kim loại dài 19cm.

+ 01 (một) túi niêm phong mã số PS2 2011036, bên trong có: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ chai nước, 01 ống hút); 01 bật lửa; 01 vỏ ống hút.

+ 01 (một) túi niêm phong mã số PS1 2011046, bên trong có: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá (gồm: 01 nỏ thủy tinh, 01 vỏ chai nước bằng nhựa có nắp màu xanh da trời, 01 ống hút màu trắng sọc dọc màu xanh lá cây); 01 bật lửa màu xanh lá cây; 01 vỏ ống hút màu trắng; 01 thẻ sim điện thoại; 01 miếng băng keo màu đen.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel, màu đen, số IMEI 1: 353535062819840, số IMEI 2: 353535062819857, bên trong điện thoại có gắn 02 thẻ sim số 0935312364 và 0396039684 *(không kiểm tra chất lượng bên trong)*.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X, màu trắng, số máy: MQAIC2LL/A, số sê ri: F2LVWDMYJCLJ, bên trong điện thoại có gắn 01 thẻ sim số 0392059029 *(không kiểm tra chất lượng bên trong)*.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro max màu xanh, số máy: MWGJ2LL/A, số seri: FK1CFIM7N70G, bên trong có gắn thẻ sim số 0789494635 *(không kiểm tra chất lượng bên trong)*.

+ Số tiền 700.000 *(Bảy trăm nghìn)* đồng.

- Trả lại các vật chứng:

+ Trả cho bị cáo Phan Thành T1: 01 (một) điện thoại hiệu Iphone XS Max, màu đen, số máy MT592LL/A, số seri F2LYNF2YKPHC *(không kiểm tra chất lượng bên trong)*.

+ Trả cho ông Trần Đình P1: 01 (một) xe môtô Sirius biển kiểm soát 92G1-367.89 *(không kiểm tra chất lượng bên trong)*.

+ Trả cho chị Nguyễn Thị Mỹ H2: 01 (một) xe môtô biển kiểm soát 92G1-304.46 *(không kiểm tra chất lượng bên trong)*.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 500.000 *(Năm trăm nghìn)* đồng của bị cáo Đ để đảm bảo thi hành án.

3. Truy thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Đ thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy là 4.000.000 *(Bốn triệu)* đồng.

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 24/5/2024. Riêng số tiền 1.200.000 đồng đang tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn tại Kho bạc Nhà nước huyện Q *theo Uỷ nhiệm chi ngày 03/5/2024).*

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án

sơ thẩm (24-9-2024). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Văn phòng Công an huyện Quế Sơn;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Quế Sơn;
- Bộ phận HSNV CA huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Bị cáo, người TGTT khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phượng